

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: 155/2002/QĐ-UB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Về công tác quản lý các dự án đầu tư trong nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994 ;
- Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ ;
- Căn cứ Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về ban hành Quy chế đấu thầu và Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ ;
- Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh ;
- Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3600/KHĐT-TH ngày 10 tháng 9 năm 2002 ;

QUYẾT ĐỊNH

**PHẦN I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1.- Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tiếp nhận, hướng dẫn chính sách và hỗ trợ các nhà đầu tư trong nước thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư.

Điều 2.- Căn cứ vào định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội từng thời kỳ, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các tổ chức xúc tiến đầu tư, các sở ngành, quận-huyện vận động xúc tiến đầu tư và lập danh mục các dự án đầu tư trong nước không sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, trình Ủy ban nhân dân thành phố để công bố kêu gọi đầu tư định kỳ hàng quý.

Điều 3.- Các loại dự án đầu tư sau đây không phải thông qua cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để phê duyệt hoặc thỏa thuận dự án, nhưng phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt qui hoạch chi tiết :

3.1- Các dự án đầu tư không sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

3.2- Các dự án mà chủ đầu tư không phải là doanh nghiệp Nhà nước.

3.3- Các dự án nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước.

Điều 4.- Hướng dẫn về địa điểm xây dựng và qui hoạch, kiến trúc :

4.1- Đối với các dự án sửa chữa, nâng cấp, nhưng không làm thay đổi chức năng và kết cấu công trình, không mở rộng diện tích xây dựng, tầng cao, không vi phạm lộ giới và không thuộc diện phải di dời do gây ô nhiễm môi trường thì không phải thực hiện việc thỏa thuận địa điểm và kiến trúc, qui hoạch.

4.2- Đối với những khu vực đã có qui hoạch chi tiết được duyệt, Kiến trúc sư Trưởng thành phố có trách nhiệm công bố công khai những nội dung qui hoạch chi tiết được duyệt để nhà đầu tư có căn cứ lập dự án đầu tư, không phải thực hiện việc thỏa thuận địa điểm.

4.3 - Đối với những khu vực chưa có qui hoạch chi tiết được duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Kiến trúc sư Trưởng thành phố để thông báo đến các nhà đầu tư các thông tin cần thiết về qui hoạch, kiến trúc ; thời gian cung cấp các thông tin về qui hoạch, kiến trúc không quá 14 (mười bốn) ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu. Kiến trúc sư Trưởng thành phố có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết về qui hoạch, kiến trúc cho Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời gian không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trong trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian so với quy định, Kiến trúc sư Trưởng thành phố phải báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân thành phố và thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để thông báo lại cho nhà đầu tư.

4.4- Đối với các dự án đầu tư vào những địa điểm có số hộ dân phải giải tỏa, di dời trên 50 hộ, Kiến trúc sư Trưởng thành phố phải xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố trước khi cung cấp các thông tin về qui hoạch, kiến trúc để Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo lại cho nhà đầu tư.

Điều 5.- Cung cấp cho nhà đầu tư giá thuê đất, mức thu tiền sử dụng đất và việc giao đất, cho thuê đất :

5.1- Trong trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu cung cấp các thông tin về giá thuê đất, mức thu tiền sử dụng đất, tính pháp lý của khu đất, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan để cung cấp cho nhà đầu tư :

5.1.1- Cục Thuế thành phố, có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư về giá thuê đất, mức thu tiền sử dụng đất trong thời gian không quá 5 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản hỏi của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5.1.2- Sở Địa chính-Nhà đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư về tính pháp lý của khu đất, hiện trạng và nguồn gốc đất trong thời gian không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản hỏi của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5.2- Sở Địa chính-Nhà đất có trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư bản đồ địa chính có sẵn và được phép thu tiền in ấn đủ trang trải các chi phí theo đúng giá quy định, được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành. Việc cung cấp bản đồ địa chính phải đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước. Thời gian để Sở Địa chính-Nhà đất cung cấp bản đồ địa chính không quá 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư. Trong trường hợp Sở Địa chính-Nhà đất không có sẵn bản đồ địa chính thì thông báo cho chủ đầu tư để thuê đơn vị có chức năng thực hiện việc đo vẽ và lập bản đồ địa chính.

5.3- Sở Xây dựng có trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư bản đồ địa hình, khảo sát địa chất công trình có sẵn khi nhà đầu tư có yêu cầu để lập dự án và được phép thu tiền in ấn đủ trang trải các chi phí theo đúng giá quy định, được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành ; thời gian để Sở Xây dựng cung cấp không quá 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư ; trong trường hợp Sở Xây dựng không có sẵn thì phải thông báo ngay cho chủ đầu tư để thuê đơn vị có chức năng thực hiện.

Điều 6.- Xử lý việc hết thời gian hiệu lực của quyết định đầu tư và quyết định giao, thuê đất :

Định kỳ hàng quý, Sở Địa chính-Nhà đất chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kiến trúc sư Trưởng thành phố, các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các quận-huyện rà soát và lập danh mục những dự án đã có quyết định đầu tư, hoặc quyết định giao (thuê) đất, nhưng nhà đầu tư không triển khai thực hiện các bước tiếp theo mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của người có thẩm quyền, trình Ủy ban nhân dân thành phố có biện pháp xử lý kịp thời. Thời gian hiệu lực của quyết định đầu tư và quyết định giao (thuê) đất là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký.

Điều 7.- Về đền bù giải tỏa của các dự án đầu tư nguồn vốn ngân sách do thành phố trực tiếp quản lý :

7.1- Các dự án mang tính cấp thiết cần sớm giải phóng mặt bằng để thực hiện, nếu được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận từng trường hợp, thì được thành lập Hội đồng đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng của dự án và tiến hành đền bù giải tỏa trước khi có quyết định thu hồi đất và giao đất.

7.2- Khi có chủ trương đầu tư và được duyệt dự án đầu tư, chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư tiến hành khảo sát, điều tra và chuẩn bị các công việc cần thiết để lập phương án đền bù. Sau khi có quyết định thu hồi và giao đất, cho thuê đất (hoặc được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận đối với các dự án thuộc mục 7.1), Hội đồng đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng của dự án có trách nhiệm lập phương án đền bù, trợ cấp thiệt hại và tái định cư của dự án, báo cáo Hội đồng đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng của thành phố (hoặc của quận-huyện khi được Ủy quyền) thẩm định trong vòng 20 (hai mươi) ngày làm việc ; trường hợp có khó khăn vướng mắc phải kéo dài thời gian thì Hội đồng phải báo cáo ngay bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết.

7.3- Thời gian để Hội đồng đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng của thành phố (hoặc của quận-huyện khi được Ủy quyền) thẩm định phương án đền bù, trợ cấp thiệt hại và tái định cư của dự án không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc.

Trường hợp cần thiết phải yêu cầu bổ sung phương án, Hội đồng đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng của thành phố (hoặc của quận-huyện khi được Ủy quyền) chỉ được hỏi một lần trong thời gian là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

Trong trường hợp phải kéo dài thời gian thẩm định, Hội đồng đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng của thành phố phải báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân thành phố và thông báo cho chủ đầu tư biết. Thời gian Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án đền bù, tái định cư của dự án tối đa là 10 (mười) ngày làm việc.

7.4- Không phải duyệt dự toán chi phí đền bù, tái định cư của dự án nếu phương án đền bù, tái định cư của dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Ủy ban nhân dân quận-huyện phê duyệt theo quy định hiện hành. Trong trường

hợp chi phí đền bù, tái định cư có phát sinh tăng so với phương án được phê duyệt, thì Hội đồng đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng của thành phố thẩm định lại và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Thời gian để Hội đồng đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng của thành phố (hoặc của quận-huyện khi được Ủy quyền) thẩm định phương án đền bù và trình Ủy ban nhân dân thành phố duyệt điều chỉnh không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc.

Điều 8.- Về phòng cháy, chữa cháy :

Không thực hiện việc thỏa thuận về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình lập dự án. Sau khi dự án được phê duyệt, đơn vị thiết kế phải đảm bảo nội dung thiết kế dự án đúng quy trình, quy phạm về phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật hiện hành ; không phải trực tiếp thực hiện việc thỏa thuận với Công an thành phố về phòng cháy, chữa cháy nhưng phải chịu sự kiểm tra của Công an thành phố về phòng cháy, chữa cháy nếu cơ quan Công an xét thấy cần thiết. Khi thẩm định thiết kế, trường hợp dự án cần có sự thẩm định về phương án phòng cháy, chữa cháy theo quy định của Luật phòng cháy và chữa cháy, cơ quan thẩm định sẽ có văn bản hỏi Công an thành phố. Công an thành phố có trách nhiệm trả lời cho cơ quan thẩm định thiết kế về phương án phòng cháy, chữa cháy trong thời gian không quá 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu cùng hồ sơ đính kèm.

Điều 9.- Về bảo vệ môi trường :

Đối với các dự án thuộc nhóm 2 (theo Thông tư số 490/1988/TT-BKHCNMT ngày 29 tháng 4 năm 1998 của Bộ Khoa học-Công nghệ và Môi trường), chủ đầu tư phải nộp Phiếu đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường cho Sở Khoa học-Công nghệ và Môi trường cùng lúc với việc trình duyệt dự án đầu tư. Trong thời gian không quá 5 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được phiếu đăng ký, Sở Khoa học-Công nghệ và Môi trường gợi ý kiến của mình cho cơ quan thẩm định và các nội dung này được đưa vào quyết định phê duyệt dự án đầu tư để chủ đầu tư thực hiện trong giai đoạn thiết kế.

Điều 10.- Về công tác quản lý chất lượng công trình :

10.1- Sở Xây dựng có trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng đối với các công trình xây dựng dân dụng và xây dựng công nghiệp trên địa bàn thành

phố. Sở Giao thông Công chánh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Công nghiệp có trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng đối với các công trình chuyên ngành trên địa bàn thành phố (không phân biệt nguồn vốn) ; Ủy ban nhân dân quận-huyện có trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng đối với các công trình do Ủy ban nhân dân quận-huyện ký quyết định đầu tư hay cấp giấy phép xây dựng.

10.2- Các đơn vị nêu tại điểm 10.1 phải lập và trình Ủy ban nhân dân thành phố thông qua để tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra chất lượng công trình hàng năm ; giao Sở Xây dựng tổng hợp và báo cáo định kỳ hàng quý cho Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng theo kế hoạch. Trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc, kể từ khi có phản ánh bằng văn bản của cá nhân, tổ chức hoặc báo, đài, có địa chỉ cụ thể về chất lượng xây dựng của công trình cụ thể, các cơ quan nêu trên phải thực hiện việc kiểm tra hiện trường và sau kiểm tra, có các biện pháp xử lý nếu có vi phạm ; kết quả xử lý phải đưa vào báo cáo định kỳ.

PHẦN II

CÁC QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 11.- Đối với những dự án thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố quyết định, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu của các sở-ngành, quận-huyện để trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chuẩn bị đầu tư hoặc thực hiện dự án vào các tháng đầu quý (tháng 3, 6, 9). Kế hoạch chuẩn bị đầu tư bao gồm các nội dung sau : Tên dự án, tên chủ đầu tư, địa điểm công trình, sự cần thiết hay ưu tiên, nội dung công tác chuẩn bị đầu tư, ước chi phí nghiên cứu lập dự án, thời gian nghiên cứu và lập dự án. Căn cứ vào kế hoạch chuẩn bị đầu tư được duyệt, chủ đầu tư tiến hành lập đề cương kèm dự toán khảo sát, lập dự án để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Bãi bỏ việc phê duyệt đề cương công tác chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đầu tư nhóm B, C.

Điều 12.- Về xác định chủ đầu tư, trách nhiệm của chủ đầu tư và trách nhiệm của các đơn vị tư vấn :

12.1- Các sở-ngành thành phố và Ủy ban nhân dân các quận-huyện không trực tiếp làm chủ đầu tư, trừ trường hợp sửa chữa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của cơ quan mình. Chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước bao gồm các Ban quản lý dự án chuyên ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, trực thuộc một số sở-ngành thành phố ; Ban quản lý dự án trực thuộc Ủy ban nhân dân các quận-huyện ; các doanh nghiệp ; các cơ quan sự nghiệp.

12.2- Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về chất lượng và thời gian lập dự án. Trong trường hợp dự án phải thẩm định nhiều lần do không đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định của điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng hoặc do không tuân thủ đúng các quy chuẩn, quy phạm xây dựng hiện hành, thì mỗi lần trình thẩm định, chủ đầu tư phải nộp phí thẩm định dự án. Phí thẩm định dự án từ lần thứ 2

trở đi không được phép cộng vào tổng vốn đầu tư của dự án và không được dùng bất cứ nguồn vốn ngân sách nào để thanh toán.

Thời gian để lập xong dự án nhóm C không quá 3 (ba) tháng, nhóm B không quá 9 (chín) tháng, kể từ khi có kế hoạch chuẩn bị đầu tư được duyệt. Nếu thời gian lập dự án cần kéo dài hơn so với quy định, chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo cơ quan quyết định đầu tư. Trường hợp cơ quan quyết định đầu tư không chấp thuận kéo dài thời gian lập dự án thì chủ đầu tư và đơn vị tư vấn phải hoàn trả toàn bộ kinh phí chuẩn bị đầu tư đã được tạm ứng (không dùng tiền ngân sách cấp hoặc tiền có nguồn gốc ngân sách để hoàn trả).

Điều 13.- Về phân cấp và Ủy quyền quyết định đầu tư, điều hành kế hoạch vốn đầu tư :

13.1- Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện quyết định đầu tư các dự án có mức vốn từ 5 (năm) tỷ đồng trở xuống, các dự án này nằm trong kế hoạch ngân sách của quận-huyện (kể cả nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp cho quận-huyện quản lý, gồm cả dự án sửa chữa nhà tù nguồn tiền thuê nhà do quận-huyện quản lý và dự án đầu tư các công trình xóa đói giảm nghèo) trong phạm vi địa giới từng quận-huyện, không thuộc các cơ sở sự nghiệp do thành phố quản lý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện quyết định và chịu trách nhiệm hoàn toàn về xác định chủ trương đầu tư ; chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án, thực hiện dự án ; kiểm tra, đảm bảo chất lượng dự án, tiến độ thực hiện dự án ; nghiệm thu, thanh toán, quyết toán dự án. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, nếu có phát sinh khối lượng làm tổng mức vốn đầu tư của dự án vượt hơn 5 (năm) tỷ đồng, Ủy ban nhân dân quận-huyện phải báo cáo và được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận bằng văn bản mới được quyết định điều chỉnh dự án đầu tư.

Riêng các dự án có liên quan hoặc gắn kết với các công trình hạ tầng kỹ thuật do thành phố trực tiếp quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện phải lấy ý kiến của các Sở quản lý chuyên ngành trước khi quyết định đầu tư. Thủ trưởng các sở-ngành có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc, khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân các quận-huyện.

13.2- Ủy quyền cho Giám đốc Sở Địa chính-Nhà đất quyết định đầu tư các dự án nhóm C sử dụng nguồn vốn cho thuê nhà sở hữu Nhà nước do thành phố quản lý ; Ủy quyền cho Giám đốc Sở Giao thông Công chánh quyết định đầu tư các dự án nhóm C sử dụng nguồn vốn đảm bảo giao thông, vốn duy tu và các dự án kiểm định cầu, vốn từ khấu hao cơ bản và quỹ phát triển sản xuất của các Công ty Cấp nước trực thuộc sở ; tiếp tục Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư các dự án đầu tư nhóm C sử dụng vốn ngân sách Nhà nước (trừ những dự án đã Ủy quyền cho Giám đốc Sở Địa chính-Nhà đất, Giám đốc Sở Giao thông Công chánh và phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện quyết định đầu tư).

13.3- Sở Kế hoạch và Đầu tư lập và trình Ủy ban nhân dân thành phố thông qua và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm để giám định đầu tư, kiểm tra việc chấp hành các quy định Nhà nước trong công tác thẩm định, phê duyệt dự án

đầu tư và quyết định đầu tư của các cơ quan được Ủy ban nhân dân thành phố Ủy quyền và phân cấp.

Điều 14.- Về công tác thẩm định và quyết định đầu tư :

14.1- Cơ quan thẩm định căn cứ vào các quy định hiện hành để thẩm định dự án. Trong quá trình thẩm định, tùy theo tính chất phức tạp của từng dự án, cơ quan thẩm định sẽ có văn bản hoặc tổ chức hội nghị tư vấn để lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn.

14.2- Thời gian thẩm định và quyết định đầu tư :

14.2.1- Thời gian thẩm định và quyết định đầu tư các dự án đầu tư nhóm C không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc (gồm cả thời gian hỏi ý kiến các sở-ngành, nếu có).

14.2.2- Thời gian thẩm định và quyết định đầu tư các dự án đầu tư nhóm B không quá 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc, trong đó thời gian thẩm định tại Sở Kế hoạch và Đầu tư không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc (gồm cả thời gian hỏi ý kiến các sở-ngành, nếu có).

14.2.3.- Thời gian trả lời của các sở-ngành : 10 ngày làm việc đối với Kiến trúc sư Trưởng thành phố, 7 ngày làm việc đối với các sở-ngành còn lại, kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

14.3- Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu và trình Ủy ban nhân dân thành phố để quy định cụ thể nội dung thẩm định của từng loại dự án. Trường hợp cơ quan thẩm định yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các nội dung ngoài quy định hoặc kéo dài thời gian thẩm định hơn quy định, thì phải chịu xử lý theo Pháp lệnh về cán bộ, công chức hiện hành.

14.4- Đối với các dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn, trong đó có một phần vốn ngân sách Nhà nước, nếu tỷ lệ vốn ngân sách Nhà nước trong tổng mức đầu tư dự án chiếm trên 30%, thì phải thực hiện đầy đủ các thủ tục như một dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

Điều 15.- Về công tác thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán :

15.1- Căn cứ dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm ký kết hợp đồng để tổ chức lập thiết kế dự toán công trình trình duyệt theo quy định. Thời gian lập xong thiết kế dự toán dự án nhóm C không quá 3 (ba) tháng, nhóm B không quá 9 (chín) tháng, kể từ khi dự án đầu tư được duyệt. Nếu thời gian lập thiết kế dự toán cần kéo dài hơn so với quy định, chủ đầu tư phải báo cáo ngay cho cơ quan quyết định phê duyệt thiết kế dự toán bằng văn bản.

Trong trường hợp cơ quan quyết định duyệt thiết kế dự toán, không chấp nhận kéo dài thời gian lập thiết kế dự toán thì chủ đầu tư và đơn vị tư vấn phải hoàn trả toàn bộ kinh phí lập thiết kế dự toán đã được tạm ứng (không dùng tiền ngân sách cấp hoặc tiền có nguồn gốc ngân sách để hoàn trả). Trong trường hợp thiết kế dự toán phải thẩm định nhiều lần do không đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định của điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng hoặc do không tuân thủ đúng các quy chuẩn, quy phạm hiện hành thì mỗi lần thẩm định, chủ đầu tư phải nộp lệ phí thẩm định.

Phí thẩm định thiết kế dự toán từ lần thứ hai trở đi không được phép cộng vào

tổng vốn đầu tư của dự án và không được dùng vốn ngân sách hoặc có tính chất ngân sách để thanh toán.

15.2- Ủy quyền cho Giám đốc Sở Giao thông Công chính tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán các dự án đầu tư xây dựng nhóm B, C thuộc ngành giao thông công chính. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Công nghiệp tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán các dự án nhóm B, C chuyên ngành điện ; các dự án đầu tư nhóm B, C mua sắm máy móc, thiết bị thuộc lĩnh vực công nghiệp và các hạng mục xây lắp phục vụ cho việc lắp đặt các thiết bị này có giá trị dưới 500 triệu đồng. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán các dự án nhóm B, C đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi và chuyên ngành nông-lâm-ngư-diêm nghiệp. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học-Công nghệ và Môi trường tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán các dự án xây dựng hệ thống thông tin ; thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán các dự án mua sắm máy móc, thiết bị đối với các dự án nhóm B, C thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và hạng mục xây lắp phục vụ cho việc lắp đặt các thiết bị này có giá trị dưới 500 triệu đồng.

Đối với những hạng mục xây lắp nhỏ, kèm thiết bị nêu trên, trong các trường hợp cần thiết thì các Sở chuyên ngành tham khảo ý kiến của Sở Xây dựng để phục vụ yêu cầu thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán theo phân công.

Đối với các dự án nhóm A thuộc các chuyên ngành nêu trên, Giám đốc Sở chuyên ngành chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán.

15.3- Ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán các dự án đầu tư xây dựng nhóm B, C thuộc các lĩnh vực và dự án còn lại (trừ các dự án đầu tư đã phân cấp cho các quận-huyện) và chịu trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán các dự án đầu tư xây dựng nhóm A không thuộc các lĩnh vực chuyên ngành nêu tại Khoản 15.1, Điều 15. Trong trường hợp cần thiết, Sở Xây dựng có văn bản tham khảo ý kiến của các cơ quan chuyên ngành về thiết kế kỹ thuật trước khi phê duyệt dự toán, tổng dự toán.

15.4- Đối với những dự án nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để đầu tư tài sản cố định, mua sắm máy móc, thiết bị mà không kèm chi phí xây lắp (trừ những dự án nêu tại Khoản 15.1, Điều 15), sau khi dự án được phê duyệt, Sở Tài chính-Vật giá có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư lập dự toán và được Ủy ban nhân dân thành phố Ủy quyền phê duyệt dự toán.

15.5- Đối với các dự án phải tiến hành đo vẽ hiện trạng công trình để thực hiện thủ tục thu hồi đất, giao đất ; các cơ quan đã được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp, Ủy quyền tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán chịu trách nhiệm phê duyệt luôn phân dự toán chi phí này.

Thời gian để thực hiện việc thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán các dự án nhóm B tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc và nhóm C tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc.

15.6- Sở Xây dựng lập và trình Ủy ban nhân dân thành phố thông qua và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra hàng năm việc chấp hành các quy định của Nhà nước trong công tác thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán các dự án đầu tư của các cơ quan đã được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp và Ủy quyền.

15.7- Giao trách nhiệm Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ thông báo các dự án có liên quan đến an ninh-quốc phòng cho Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố và trình Ủy ban nhân dân thành phố danh mục các dự án cần có thỏa thuận về an ninh-quốc phòng.

Điều 16.- Về công tác quản lý đấu thầu :

16.1- Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện quản lý Nhà nước về đấu thầu của thành phố theo Ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và nội dung quy định tại Điều 50 của Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 và Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ.

16.1.1- Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư :

- Đối với các dự án dùng nguồn vốn ODA, vốn tín dụng nước ngoài do Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bảo lãnh thuộc phạm vi thành phố quản lý :

+ Dự án nhóm A : Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định và dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án, kết quả chỉ định thầu (nếu có) và kết quả đấu thầu các gói thầu có giá trị lớn ; dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt các nội dung cơ bản khác và kết quả đấu thầu các gói thầu còn lại theo nội dung phân cấp thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu quy định tại Điều 53 của Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999, Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ.

+ Dự án nhóm B, C : Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định và dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả chỉ định thầu (nếu có), kết quả đấu thầu các gói thầu tư vấn có giá trị từ 05 (năm) tỷ đồng trở lên ; các gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa thiết bị có giá trị từ 50 (năm mươi) tỷ đồng trở lên và thực hiện Ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt các nội dung cơ bản khác của quá trình đấu thầu, kết quả đấu thầu các gói thầu còn lại.

- Đối với các dự án đầu tư nhóm A sử dụng nguồn vốn trong nước : Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án, kết quả chỉ định thầu (nếu có), kết quả đấu thầu các gói thầu tư vấn có giá trị từ 05 (năm) tỷ đồng trở lên ; các gói thầu xây lắp hoặc mua sắm hàng hóa có giá trị từ 50 (năm mươi) tỷ đồng trở lên và thực hiện Ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt các nội dung

cơ bản khác của quá trình đấu thầu, kết quả đấu thầu các gói thầu còn lại của dự án.

- Phê duyệt kế hoạch đấu thầu dự án nhóm B, C, hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, danh sách nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, kết quả đấu thầu các gói thầu của các dự án đầu tư nhóm B, C (trừ các gói thầu của các dự án đã Ủy quyền cho các Sở và phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận-huyện quyết định đầu tư nêu tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 13 của Quyết định này).

16.1.2- Ủy quyền cho Giám đốc Sở Giao thông Công chánh, Giám đốc Sở Công nghiệp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trong phạm vi các dự án đầu tư chuyên ngành nhóm B, C được phân công quản lý (quy định tại Khoản 15.1, Điều 15 của Quyết định này) mà Sở không làm chủ đầu tư dự án thực hiện thẩm định, dự thảo quyết định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu tư vấn có giá trị từ 05 (năm) tỷ đồng trở lên ; các gói thầu xây lắp hoặc mua sắm hàng hóa có giá trị từ 50 (năm mươi) tỷ đồng trở lên và thực hiện Ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt các nội dung cơ bản khác của quá trình đấu thầu, kết quả đấu thầu các gói thầu còn lại có giá trị dưới mức quy định nêu trên (trừ các gói thầu của các dự án đã được phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận-huyện quyết định đầu tư và các nội dung đã Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt).

16.1.3 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt các nội dung cơ bản của quá trình đấu thầu (quy định tại Điều 51 của Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 và Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ) đối với các gói thầu thuộc các dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận-huyện quyết định đầu tư.

16.1.4 - Ban Quản lý dự án các Khu Chế xuất và Khu Công nghiệp thành phố tiếp tục thực hiện các quy định liên quan đến quản lý đầu tư và xây dựng theo Quyết định số 7058/QĐ-UB-QLDA ngày 26 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố.

16.2- Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan kiểm tra việc thực hiện công tác đấu thầu trên địa bàn thành phố, chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác theo đúng chức năng, nội dung và quyền hạn được quy định trong Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999, Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ.

Điều 17.- Về cấp phát, thanh quyết toán vốn đầu tư :

17.1- Kho bạc Nhà nước thành phố tạm ứng kinh phí đền bù giải tỏa và vốn phục vụ công tác đền bù giải tỏa theo tiến độ đối với các dự án nêu ở Khoản 7.1, Điều 7, đã có chính sách bồi thường giải tỏa được duyệt, trong khi chờ trình duyệt phương án.

17.2- Về thanh quyết toán khối lượng phát sinh :

17.2.1- Đối với khối lượng phát sinh không phải là phát sinh hạng mục, không làm thay đổi qui mô đầu tư và không vượt tổng mức vốn đầu tư thì cho phép thanh quyết toán sau khi được cơ quan có thẩm quyền duyệt dự toán bổ sung.

17.2-2- Đối với các hạng mục phát sinh làm thay đổi qui mô của dự án so với quyết định đầu tư thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quyết định đầu tư trước khi thực hiện.

17.2.3- Đơn giá thanh toán khối lượng phát sinh là đơn giá trúng thầu, nếu đơn giá của công việc phát sinh không có trong đơn giá trúng thầu thì đơn giá thanh toán được căn cứ theo định mức và đơn giá Nhà nước đang có hiệu lực tại thời điểm phát sinh.

PHẦN III CÁC QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHÔNG SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH

Điều 18.- Đối với các dự án nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp căn cứ vào qui hoạch phát triển ngành đã được xác định để quyết định đầu tư theo quy định tại Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ. Riêng các dự án nhóm C sử dụng nguồn vốn khấu hao cơ bản, sửa chữa lớn và quỹ phát triển sản xuất của Công ty Cấp nước thành phố và Công ty Khai thác nước ngầm thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Ủy quyền Giám đốc Sở Giao thông Công chính giao kế hoạch hàng năm về chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án, thực hiện dự án.

Công ty Cấp nước thành phố được sử dụng hình thức “Tự thực hiện dự án” cho các công trình cải tạo ống mục có mức vốn từ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng trở xuống. Giao cho Giám đốc Sở Giao thông Công chính phê duyệt dự án đối với những dự án do Công ty Cấp nước thành phố làm chủ đầu tư và tự thực hiện dự án.

Điều 19.- Đối với các dự án của chủ đầu tư không phải là doanh nghiệp Nhà nước, chủ đầu tư được tự quyết định đầu tư theo quy định tại Khoản 7, Điều 1, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ. Riêng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước phải có ý kiến chấp thuận cho vay của Quỹ Hỗ trợ Phát triển.

Điều 20.- Hồ sơ giao đất, thuê đất của các dự án đầu tư có nhu cầu giao đất, thuê đất nộp ở Sở Địa chính-Nhà đất bao gồm :

- 20.1- Đơn đề nghị giao đất hoặc thuê đất kèm theo dự án đầu tư ;
- 20.2- Công văn thỏa thuận về địa điểm, diện tích đất và hướng dẫn về qui hoạch, kiến trúc do Kiến trúc sư Trưởng thành phố cấp ;
- 20.3- Giấy thỏa thuận chuyển nhượng, cho thuê của người đang có quyền sử dụng đất với chủ đầu tư hoặc phương án giá bồi thường được Ủy ban nhân dân quận-huyện thông qua ;
- 20.4- Bản đồ địa chính.

PHẦN IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH

Điều 21.- Thủ trưởng các sở-ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện phải tuân thủ đúng thời gian cho phép khi thực hiện các nhiệm vụ theo qui định này ; các vi phạm được xử lý như sau :

21.1- Khi quá thời gian cho phép mà cơ quan được hỏi không trả lời, thì xem như chấp thuận về vấn đề được hỏi ý kiến và phải chịu trách nhiệm hoàn toàn những nội dung được hỏi ý kiến ; cơ quan hỏi ý kiến phải thực hiện các bước tiếp theo mà không chờ văn bản của cơ quan được hỏi.

21.2- Khi thực hiện một chức năng được giao, như thẩm định, xét duyệt dự án đầu tư, v.v.. quá thời gian cho phép, thủ trưởng cơ quan và công chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phải bị xử lý theo Pháp lệnh về cán bộ, công chức hiện hành.

Điều 22.- Chủ đầu tư có trách nhiệm phải quy định rõ trong hợp đồng việc thực hiện các biện pháp chế tài đối với đơn vị tư vấn đầu tư, đơn vị thi công công trình khi có gian dối, không đảm bảo chất lượng công trình và không đảm bảo đúng tiến độ thi công dự án. Đối với các trường hợp chế tài về tài chính trong các hợp đồng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, Kho bạc Nhà nước thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra và thu các khoản phạt tiền vào ngân sách thành phố.

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan theo dõi hoạt động đầu tư, giám định đầu tư ; định kỳ 6 (sáu) tháng, lập danh sách và đề xuất các biện pháp xử lý của Ủy ban nhân dân thành phố đối với các chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn đầu tư, các đơn vị thi công công trình thực hiện không đảm bảo các quy định trong quá trình đầu tư.

Điều 23.- Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây của Ủy ban nhân dân thành phố trái với Quyết định này đều được bãi bỏ.

Điều 24.- Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính-Vật giá, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Kiến trúc sư Trưởng thành phố, Giám đốc Sở Địa chính-Nhà đất, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông Công chính, Giám đốc Sở Công nghiệp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Khoa học-Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các sở-ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện, Tổng Giám đốc và Giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước do thành phố quản lý, các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 24

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

- Thường trực Thành Ủy
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố
 - Ủy ban nhân dân thành phố
- Các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố
 - Công an thành phố
 - Cục Thuế thành phố
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố
 - Tòa án nhân dân thành phố

- VPHĐ-UB : Các PVP, các Tổ NCTH

Lê Thanh Hải

- Luu (ĐT/Trg)